

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **27** /QĐ-THVN

Hà Nội, ngày **09** tháng **01** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 08/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-THVN ngày 11/6/2021 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Đài THVN;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Đài THVN;

Căn cứ Thông báo số 1279/TB-BTC ngày 26/12/2023 của Bộ Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022, chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Đài;
- Lưu: VT, KHTC.



Lê Ngọc Quang

[illegible]

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc					
		Trung tâm Kỹ thuật truyền hình			Văn phòng		
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	12	13	14=13-12	15	16	17=16-15
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí						
I	Tổng số thu						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
I	Chi sự nghiệp ...						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	18.764.118.900	18.764.118.900		7.234.000.000	7.234.000.000	
I	Nguồn ngân sách nhà nước	18.764.118.900	18.764.118.900		7.234.000.000	7.234.000.000	
1	Chi quản lý hành chính						
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						

Số TT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc					
		Trung tâm Kỹ thuật truyền hình			Văn phòng		
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	12	13	14=13-12	15	16	17=16-15
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-		-	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		-	-	-
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	-	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	18.764.118.900	18.764.118.900		7.234.000.000	7.234.000.000	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.764.118.900	18.764.118.900		7.234.000.000	7.234.000.000	
11	Chi Chương trình mục tiêu	-	-				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia		-				
2	Chi Chương trình mục tiêu						

